

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 14/5/2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: - Bà Nguyễn Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Vũ Thị Ngân

- Bà Trần Thị Thuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tổ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2019/TLST – HNGĐ ngày 20/12/2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim A**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: TDP Đ.K, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Anh **Kơ Dong Ju L**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: TDP Đ.K, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Kim Anh, anh Ju Lep có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và trình bày của chị Nguyễn Thị Kim A: Chị và anh Kơ Dong Ju L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 nhưng đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Trong quá trình chung sống khi vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn thì anh Kơ Dong Ju L lại bỏ nhà đi, từ khi chung sống đến nay anh Kơ Dong Ju L đã bỏ đi 05 lần, lần cuối là từ tháng 10/2018 chị đi khám bệnh ở Sài Gòn thì anh Kơ Dong Ju L gây chuyện rồi bỏ nhà về nhà bố mẹ đẻ sống và từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kơ Dong Ju L.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Kơ Dong Nh, sinh ngày 11/4/2014. Khi ly hôn chị Kim A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Kơ Dong Nh, không yêu cầu anh Ju L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không cho ai vay mượn tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với diện tích đất 559m² thuộc một phần diện tích đất 1118m² thuộc thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại TDP Đ.K, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng nhận chuyển nhượng của anh Rơ Ông Hà L đây là tài sản riêng của chị Kim A nên trong giấy chuyển nhượng ghi người nhận chuyển nhượng là Nguyễn Thị Kim A, còn anh Ju L chỉ ký với tư cách là người làm chứng.

- Về nợ chung: Chị Kim A xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra chị Kim A không còn yêu cầu gì khác.

2. *Tại bản tự khai và trình bày của anh Kơ Dong Ju L:* Anh Ju L thừa nhận quan hệ hôn nhân như chị Kim A trình bày là đúng, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Kim A không tôn trọng anh, đi đâu cũng không nói với anh cho đến tháng 10/2018 nói với anh đi Sài Gòn khám bệnh nhưng lại có tin nhắn với người khác, anh phát hiện thì vợ chồng cãi nhau, vì vậy anh bỏ về nhà bố mẹ để sống. Nay chị Kim A làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Kim A vì thấy tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Vợ chồng anh Ju L có 01 con chung là Kơ Dong Nh, sinh ngày 11/4/2014. Khi ly hôn anh Ju L đồng ý giao con cho chị Kim A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh Ju L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng anh có nhận chuyển nhượng của anh Rơ Ông Hà L diện tích đất 559m² thuộc một phần diện tích đất 1118m² thuộc thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại TDP Đ.K, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng, với giá chuyển nhượng là 230.000.000đ, vì vậy anh Ju L yêu cầu được chia ½ diện tích đất này.

- Về nợ chung: Anh Ju L xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. *Anh Rơ Ông Hà L trình bày:* Anh Rơ Ông Hà L có diện tích đất 1118m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 1224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại Tổ dân phố Đ.K, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng, đã được UBND huyện Lạc Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014 đứng tên anh. Đến năm 2017 anh Hà L chuyển nhượng cho vợ chồng anh Kơ Dong Ju L, chị Nguyễn Thị Kim A diện tích đất 559m² thuộc một phần thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 16 với giá 230.000.000đ. Để thuận tiện cho việc làm thủ tục sang tên nên giấy chuyển nhượng chỉ ghi tên chị Kim A ở bên được sang nhượng, còn anh Ju L ký ở phần người làm chứng, khi giao tiền thì vợ chồng anh Kơ Dong Ju L, chị Nguyễn Thị Kim A trực tiếp giao tiền cho anh. Hiện nay chị Kim A xin ly hôn với anh Ju L và anh Ju L yêu cầu được nhận ½ diện tích đất mà anh Hà L đã chuyển nhượng thì anh Hà L không có ý kiến, yêu cầu gì, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 1118m² đất trồng cây lâu năm

thuộc thửa số 1224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại TDP Đ.K, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương đứng tên Rơ Ông Hà L mà hiện nay chị Kim A đang giữ thì anh Hà L cũng không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vào các ngày 17/02/2020, ngày 27/4/2020 nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A, xử cho chị Nguyễn Thị Kim A và anh Kơ Dong Ju L được ly hôn. Về con chung: Đối với cháu Kơ Dong Nh giao cho chị Kim A chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Tòa án đã yêu cầu anh Ju L có đơn yêu cầu chia tài sản nhưng anh Ju L không làm đơn yêu cầu nên không có cơ sở xem xét giải quyết. Về nợ chung không có, không đặt ra để xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Kơ Dong Ju L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 nhưng đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương. Tuy anh chị không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Kim A xác định trong thời gian chung sống do vợ chồng không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm nên thường xảy ra mâu thuẫn, anh Ju L thường xuyên bỏ nhà đi, từ tháng 10/2018 vợ chồng đã tự sống ly thân đến nay nên chị Kim A giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Ju L. Còn anh Ju L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn từ việc chị Kim A không tôn trọng anh, do đó từ tháng 10/2018 anh bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống cho đến nay và anh cũng đồng ý giải quyết ly hôn. Xét thấy, chị Kim A và anh Ju L phát sinh mâu thuẫn đã lâu và vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài nhưng hai bên cũng không tìm được biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng, đến nay cả hai cùng thống nhất ly hôn. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự nên căn cứ Điều 55, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Kim A, xử cho chị Kim A và anh Ju L được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Kơ Dong Ju L xác định vợ chồng có 01 con chung là Kơ Dong Nh, sinh ngày 11/4/2014. Khi ly hôn chị Kim A và anh Ju L thống nhất giao con chung là cháu Kơ Dong Nh cho chị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Ju L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con của chị Kim A và anh Ju L là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Hơn nữa, hiện nay cháu Kơ Dong Nh còn nhỏ, từ lúc vợ chồng sống ly thân thì cháu ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao con chung là Kơ Dong Nh cho chị Kim A có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung*: Chị Kim A xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Còn anh Ju L xác định vợ chồng anh chị có diện tích đất 559m² thuộc một phần diện tích đất 1118m² thuộc thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại TDP Đ.K, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng nhận chuyển nhượng của anh Rơ Ông Hà L vào năm 2017 và anh Ju L yêu cầu được nhận ½ diện tích đất này. Để có cơ sở giải quyết, ngày 17/02/2020 Tòa án làm việc về việc anh Ju L muốn chia tài sản thì phải có đơn yêu cầu nhưng anh Ju L vẫn không làm đơn. Tiếp đến, ngày 04/3/2020 Tòa án có thông báo số 25/TB-TA về việc bổ sung đơn yêu cầu chia tài sản và tổng đạt hợp lệ cho anh Ju L nhưng anh Ju L vẫn không làm đơn. Tại phiên tòa hôm nay, anh Ju L yêu cầu được nhận ½ diện tích đất 559m², mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích về việc làm đơn yêu cầu chia tài sản nhưng anh Ju L vẫn không làm đơn yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết vấn đề tài sản trong vụ án này, nếu sau này giữa các bên đương sự phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Rơ Ông Hà L hiện nay chị Kim A đang giữ, anh Rơ Ông Hà L và chị Kim A không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với anh Rơ Ông Hà L là người có diện tích đất 1118m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 1224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại Tổ dân phố Đ.K, thị trấn Lạc Dương, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng, đã được UBND huyện Lạc Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014 đứng tên anh. Trong quá trình thụ lý giải quyết Tòa án xác định anh Rơ Ông Hà L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, do diện tích đất 559m² thuộc một phần diện tích đất 1118m² thuộc thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 16 các đương sự không yêu cầu giải quyết và Hội đồng xét xử cũng nhận định tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này giữa các bên đương sự phát sinh tranh chấp. Do đó, không cần thiết đưa anh Rơ Ông Hà L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] *Về nợ chung*: Các đương sự xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với anh Kơ Dong Ju L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim A và anh Kơ Dong Ju L

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Kim A và anh Kơ Dong Ju L, cụ thể như sau: Giao con chung là cháu Kơ Dong Nh, sinh ngày 11/4/2014 cho chị Nguyễn Thị Kim A có trách nhiệm trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Kim A đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0008882 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Dương. Chị Nguyễn Thị Kim A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lạc Dương;
- Chi cục THADS huyện Lạc Dương;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thảo

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Bích Thảo

